

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/5/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Thành.

Bà Nguyễn Thị Khánh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST - HNGĐ ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1996. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phan Hải H**, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn GX, xã PN, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/12/2022, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị Th trình bày:

- **Về hôn nhân:** Tôi và anh Phan Hải H kết hôn, ngày 26/6/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CN (Nay là xã PN), huyện L, tỉnh Hòa Bình, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống đến tháng 3 năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến vợ con. Tôi và chồng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân thực tế không tiếp tục, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phan Hải H.

- **Về con chung:** Có 01 con chung là Phan Hà V, sinh ngày 13/3/2015. Chị Th có nguyện vọng được quyền nuôi con chung. Chưa yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Phan Hải H: Đã được Tòa án nhân dân huyện L triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Phan Hải H vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được lời khai và vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Phan Hải H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

* Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình và nơi cư trú của chị Th và anh H thể hiện: Vợ chồng chị Th và anh H thường xuyên không ở cùng nhau, do anh H không tu trí làm ăn, chơi bời. Hiện tại chị Th và anh H đều đi làm ăn, không thường xuyên sống ở địa phương. Anh H đi làm, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi, không khai báo gì đang làm gì, ở đâu.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, điều 71 của BLTTDS. Đối với bị đơn : anh Phan Hải H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, như vậy anh Phan Hải H đã từ bỏ quyền của mình quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Tòa án tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177; Điều 179 BLTTDS. Nguyên có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên vụ án được xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H mâu thuẫn đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Phan Hải H.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung cháu Phan Hà V cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Th chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu giải quyết; Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cố tình không đến nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn GX, xã PN, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn là chị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Hải H đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh Phan Hải H, tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phan Hải H vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan Hải H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS là phù hợp.

[3]. Về nội dung vụ án:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Bùi Thị Th và anh Phan Hải H kết hôn năm 2014, có đăng ký tại UBND xã CN (Nay là xã PN), huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là tự nguyện, hợp pháp. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh. Nguyên nhân do anh H không tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến vợ con, chị Th và anh H không còn chăm sóc nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị Th và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:**

Chị Th và anh H có 01 con chung là cháu Phan Hà V, sinh ngày 13/3/2015. Chị Th vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nay ly hôn, chị Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh H phải cấp dưỡng; cháu Vy cũng có nguyện vọng ở với chị Th. Do vậy, nên giao cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phan Hà V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại các Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:**

Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]. Về án phí:

Chị Bùi Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; Điều 179; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Phan Hải H.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Hà V, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Phan Hải H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th chưa yêu cầu anh Hà cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000201 ngày 06/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã PN;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hùng Dũng

